TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 15 – 8 - 2025
V/v tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiện

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST – DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: 237/1 ấp GHB, xã TP, tỉnh VL *(địa chỉ cũ: 237/1 ấp GHB, xã GT, huyện TP, tỉnh BT*).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: 305/68 ấp LQ, xã CL, tỉnh VL (*địa chỉ cũ: 305/68 ấp LQ, xã LT, huyện CL, tỉnh BT*) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp TA, xã TH, tỉnh VL *(địa chỉ cũ*: *ấp TA, xã TH, huyện TP, tỉnh BT) (vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, văn bản nêu ý kiến và xin vắng mặt, trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T – ông Đinh Văn N trình bày:

Từ năm 2021 ông Huỳnh Văn T có cung cấp thức ăn nuôi tôm cho ông Ngô Văn C, hai bên mua bán có lập sổ theo dõi việc cung cấp thức ăn, có đối chiếu công nợ và chốt sổ số tiền mà ông C còn nợ. Ngày 23/01/2022, hai bên chốt nợ ông Có

còn nợ anh T tổng số tiền 289.809.250 đồng. Ông C có trực tiếp ký tên xác nhận vào văn bản "Bảng công nợ khách hàng Anh 7 Cót" ngày 23/01/2022 và cam kết trong năm 2022 sẽ thanh toán số tiền 289.809.250 đồng . Sau đó anh T đã nhiều lần yêu cầu ông C trả tiền nhưng đến nay ông C không thanh toán tiền cho anh T.

Do đó nay anh T yêu cầu tòa án giải quyết ông Ngô Văn C phải có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 289.809.250 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Ngô Văn C vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T yêu cầu bị đơn ông Ngô Văn C trả tiền mua thức ăn nuôi tôm nên xác định đây là "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Ngô Văn C cư trú tại xã TH, huyện TP, tỉnh BT (nay là xã TH, tỉnh VL) nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[3] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T – ông Đinh Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Ngô Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Huỳnh Văn T yêu cầu bị đơn ông Ngô Văn C có nghĩa vụ trả số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 289.809.250 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình khởi kiện, nguyên đơn có cung cấp các tài liệu, chứng cứ là văn bản có tiêu đề "Bảng công nợ khách hàng Anh 7 Cót" ngày 23/01/2022 , ông C có ký tên xác nhận nợ vào văn bản này. Do đó, đây là chứng cứ làm căn cứ xác định giữa ông T và ông Cót có xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán, thức ăn nuôi tôm và xác định số tiền bị đơn ông C còn nợ ông T là 289.809.250 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông T với bị đơn ông C được xác

lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Đối với bị đơn ông C mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bị đơn ông C vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự nên cần buộc bị đơn ông C có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 289.809.250 đồng là phù hợp. Ông T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Ngô Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244; các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T đối với bị đơn ông Ngô Văn C. Buộc ông Ngô Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 289.809.250 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Ngô Văn C có nghĩa vụ chịu 14.490.463 đồng.

Ông Huỳnh Văn T được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.246.000 đồng theo biên lai thu số 0010959 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung